TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC I – THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/DS-ST
Ngày: 24/4/2026
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Tính

2. Ông Nguyễn Duy Tuyên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thanh Hoá tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 1 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 62/2025/TLST-DS ngày 30/10/2025 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2026/QĐXXST-DS ngày 27/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2026/QĐST-DS ngày 27/3/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Đường L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Q – Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân 2

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:Ông Hoàng Văn H, ông Lê Thế Đ – Chuyên viên xử lý nợ pháp lý Ngân hàng TMCP V.

(Theo văn ủy quyền số 30/2025/UQN-CT,QT ngày 28/7/2025 của Chủ tịch hội đồng quản trị và văn ủy quyền số 2290/2025/UQ-LCC-KHCN 02 ngày 08/10/2025; văn bản uỷ quyền số 016488/UQ-LCC-VPB ngày 16/4/2026 của Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý khách hàng cá nhân 02)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980

Nơi thường trú: Đường Đ, phường H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên toà có mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V. Vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H1 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:

*Ngày 21/7/2015, chị Nguyễn Thị H1 có ký hợp đồng tín dụng số 3931500 với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh T – Phòng giao dịch N để vay số tiền là 118.000.000đ, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 21/7/2015 (ngày nhận nợ), mục đích vay: vay tiêu dùng mua sắm nội thất, thiết bị gia đình; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 12%/năm. Mức lãi suất này được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần. Mức điều chỉnh lãi được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

*Tại giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 20/4/2017 (LD 1712600425) vay số tiền 179.000.000đ, thời hạn vay 21 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân 31%/năm. Mức lãi suất được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP V; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

*Tại giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 07/7/2017 (LD1720501542) vay số tiền 35.500.000đ, thời hạn vay 20 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân 31%/năm. Mức lãi suất được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP V; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn

Để đảm bảo cho nghĩa vụ vay vốn, chị H1 đã thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 142(2), tờ bản đồ số 70. Địa chỉ thửa đất: Tại số nhà E Đ, phường Đ, thành phố T (nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 810876, số vào sổ cấp GCN: CH04013/1369/QĐ-UBND do UBND thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06/02/2015 mang tên bà Nguyễn Thị H1. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3931500 ngày 16/7/2015 tại văn phòng công chứng T. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Thanh Hoá đúng theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 06/5/2018 chị Nguyễn Thị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 10/10/2025, chị H1 còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 891.311.197đồng (trong đó nợ gốc 205.140.547đồng, nợ lãi trong hạn 13.354.770đ, nợ lãi quá hạn 532.442.372đồng, lãi chậm trả 140.373.508đ). Cụ thể: Tại số hợp đồng tín dụng số LD1720501542 tổng nợ 135.690.780đ (trong đó nợ gốc 22.883.713đ, lãi trong hạn 588.455đ, lãi quá hạn 80.231.714đ, lãi chậm trả 31.986.898đ); Hợp đồng số 3931500 tổng nợ

339.350.225đ (trong đó nợ gốc 84.566.678đ, lãi trong hạn 11.416.918đ, lãi quá hạn 169.344.773đ, lãi chậm trả 74.021.857đ); Hợp đồng số LD1712600425 tổng nợ 416.270.192đ (trong đó nợ gốc 97.690.156đ, lãi trong hạn 1.349.398đ, lãi quá hạn 282.865.885đ, lãi chậm trả 34.364.753đồng).

Nay Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án khu vực 1 - Thanh Hóa giải quyết buộc chị Nguyễn Thị H1 phải trả toàn bộ số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng.

Tính đến ngày xét xử (24/4/2026) người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng TMCP V trình bày:

- Ngân xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm trả lãi số tiền là 140.373.508đồng.

- Xác định chị H1 còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 864.903.852đồng (trong đó nợ gốc 205.140.547đ, nợ lãi trong hạn 29.245.589đ, nợ lãi quá hạn 630.517.716đ). Cụ thể: Tại số hợp đồng tín dụng số LD1720501542 tổng nợ 113.711.390đ (trong đó nợ gốc 22.883.713đ, lãi trong hạn 506.087đ, lãi quá hạn 90.321.590đ); Hợp đồng số LD1712600425 tổng nợ 501.345.531đ (trong đó nợ gốc 97.690.156đ, lãi trong hạn 753.714đ, lãi quá hạn 402.901.661đ); Hợp đồng số 3931500 tổng nợ 249.846.931đ (trong đó nợ gốc 84.566.678đ, nợ lãi trong hạn 27.985.788đ, lãi qúa hạn 137.294.465đ) và yêu cầu tính lãi theo đúng thoả thuận trong các hợp đồng cho vay cho đến ngày chị H1 thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Nếu chị Nguyễn Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 142(2), tờ bản đồ số 70. Địa chỉ thửa đất: tại số nhà E đường Đ, phường Đ, thành phố T (nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa), diện tích 40,08m^2 đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 810876, số vào sổ cấp GCN: CH-04013/1369/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 06/02/2015 mang tên bà Nguyễn Thị H1. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3931500 ngày 16/7/2015 tại Văn phòng công chứng T và đã được đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Thanh Hoá ngày 20/7/2015.

*Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị H1: Toà án đã tống đạt các thủ tục tố tụng dân sự trực tiếp và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật; tuy nhiên chị H1 từ chối nhận văn bản, không ký và không đến Toà án để làm việc không có lý do.

Tại phiên toà, Ngân hàng TMCP V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Toà án nhân dân khu vực 1 – Thanh Hoá giải quyết buộc chị Nguyễn Thị H1

phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 24/4/2026 (ngày xét xử) tổng số tiền là 864.903.852đồng (trong đó nợ gốc 205.140.547đ, nợ lãi trong hạn 29.245.589đ, nợ lãi quá hạn 630.515.716đ). Cụ thể: Tại hợp đồng số LD1720501542 tổng nợ 113.711.390đ (trong đó nợ gốc 22.883.713đ, lãi trong hạn 506.087đ, lãi quá hạn 90.321.590đ); Hợp đồng số LD1712600425 tổng nợ 501.345.531đ (trong đó nợ gốc 97.690.156đ, lãi trong hạn 753.714đ, lãi quá hạn 402.901.661đ); Hợp đồng số 3931500 tổng nợ 249.846.931đ (trong đó nợ gốc 84.566.678đ, nợ lãi trong hạn 27.985.788đ, lãi qúa hạn 137.294.465đồng).

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đúng theo quy định của pháp Luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, không thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; Điều 466; Điều 470; Điều 317; Điều 299 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 100; Khoản 1 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024

Chấp nhận sự tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V số tiền lãi chậm trả là 140.373.508đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V. Buộc chị Nguyễn Thị H1 phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP V là 864.903.852đồng (trong đó nợ gốc 205.140.547đ, nợ lãi trong hạn 29.245.589đ, nợ lãi quá hạn 630.517.716đ). Cụ thể: Tại số hợp đồng số LD1720501542 tổng nợ 113.711.390đ (trong đó nợ gốc 22.883.713đ, lãi trong hạn 506.087đ, lãi quá hạn 90.321.590đ); Hợp đồng số LD1712600425 tổng nợ 501.345.531đ (trong đó nợ gốc 97.690.156đ, lãi trong hạn 753.714đ, lãi quá hạn 402.901.661đ); Hợp đồng số 3931500 tổng nợ 249.846.931đ (trong đó nợ gốc 84.566.678đ, nợ lãi trong hạn 27.985.788, lãi qúa hạn 137.294.465đồng).

Trường hợp chị H1 không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa kê biên phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm đã thế chấp cho Ngân hàng. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3931500 ngày 16/7/2015 tại Văn phòng công chứng T và đã đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Thanh Hoá ngày 20/7/2015. Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1] ***Về tố tụng***: Chị Nguyễn Thị H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn phường H, tỉnh Thanh Hóa; do đó khi có tranh chấp sảy ra thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa là đúng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối số tiền lãi chậm trả là 140.373.508đồng; do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên là phù hợp với khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, chị H1 đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn*:

Ngày 21/7/2015, chị Nguyễn Thị H1 có ký hợp đồng tín dụng số 3931500 với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền là 118.000.000đ, thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày 21/7/2015 (ngày nhận nợ), mục đích vay: vay tiêu dùng mua sắm nội thất, thiết bị gia đình; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12%/năm. Mức lãi suất này được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Mức điều chỉnh lãi được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

*Tại giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 20/4/2017 (L) vay số tiền 179.000.000đ, thời hạn vay 21 tháng, mục đích vay tiêu dùng; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 31%/năm. Mức lãi suất được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP V; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

*Tại giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 07/7/2017 (LD1720501542) vay số tiền là 35.500.000đ, thời hạn vay 20 tháng, mục đích vay tiêu dùng; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 31%/năm. Mức lãi suất được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP V; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 06/5/2018 chị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 24/4/2026 (ngày xét xử) chị Nguyễn Thị H1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 864.903.852đồng (trong đó nợ gốc 205.140.547đ, nợ lãi trong hạn 29.245.589đ, nợ lãi quá hạn 630.517.716đồng).

Cụ thể: Tại số hợp đồng tín dụng số LD1720501542 tổng nợ 113.711.390đ (trong đó nợ gốc 22.883.713đ, lãi trong hạn 506.087đ, lãi quá hạn 90.321.590đ); Hợp đồng số LD1712600425 tổng nợ 501.345.531đ (trong đó nợ gốc 97.690.156đ,

lãi trong hạn 753.714đ, lãi quá hạn 402.901.661đ); Hợp đồng số 3931500 tổng nợ 249.846.931đ (trong đó nợ gốc 84.566.678đ, nợ lãi trong hạn 27.985.788đ, lãi qúa hạn 137.294.465đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định chị Nguyễn Thị H1 còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 864.903.852đồng (trong đó nợ gốc 205.140.547đ, nợ lãi trong hạn 29.245.589đ, nợ lãi quá hạn 630.515.716đ). Cụ thể: Tại số hợp đồng tín dụng số LD1720501542 tổng nợ 113.711.390đ (trong đó nợ gốc 22.883.713đ, lãi trong hạn 506.087đ, lãi quá hạn 90.321.590đ); Hợp đồng số LD1712600425 tổng nợ 501.345.531đ (trong đó nợ gốc 97.690.156đ, lãi trong hạn 753.714đ, lãi quá hạn 402.901.661đ); Hợp đồng số 3931500 tổng nợ 249.846.931đ (trong đó nợ gốc 84.566.678đ, nợ lãi trong hạn 27.985.788, lãi qúa hạn 137.294.465đ). Theo tính toán trên của Ngân hàng TMCP V là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[3]Đối với quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ thi hành án.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chị Nguyễn Thị H1 đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của mình tại thửa đất số 142(2), tờ bản đồ số 70. Địa chỉ thửa đất: Tại số nhà E đường Đ, phường Đ, thành phố T (nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa), diện tích 40,08m^2 đất thế chấp cho Ngân hàng TMCP V để vay vốn. Tại thời điểm thế chấp chị H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thế chấp tài sản đã được công chứng và đăng ký tài sản bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Thanh Hoá ngày 20/7/2015.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có tranh chấp gì về tài sản thế chấp; Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ thi hành án.

[4]V*ề án phí*: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền chị phải trả nợ cho Ngân hàng quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Giành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 317; Khoản 1 Điều 299; Điều 463; Khoản 1, 5 Điều 466; Khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 100; Khoản 1 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ Điều 6; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

***Xử*:**

-Đình chỉ xét xử đối với số tiền chậm trả lãi là 140.373.508đồng.

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc chị Nguyễn Thị H1 phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 864.903.852đồng (trong đó nợ gốc 205.140.547đ, nợ lãi trong hạn 29.245.589đ, nợ lãi quá hạn 630.517.716đồng).

Cụ thể: Tại số hợp đồng tín dụng số LD1720501542 tổng nợ 113.711.390đ (trong đó nợ gốc 22.883.713đ, lãi trong hạn 506.087đ, lãi quá hạn 90.321.590đ); Hợp đồng số LD1712600425 tổng nợ 501.345.531đ (trong đó nợ gốc 97.690.156đ, lãi trong hạn 753.714đ, lãi quá hạn 402.901.661đ); Hợp đồng số 3931500 tổng nợ 249.846.931đ (trong đó nợ gốc 84.566.678đ, nợ lãi trong hạn 27.985.788đ, lãi qúa hạn 137.294.465đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (25/4/2026) cho đến khi chị Nguyễn Thị H1 thi hành án xong; chị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3931500 ngày 21/7/2015, Tại giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 20/4/2017 (L), Tại giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 07/7/2017 (LD1720501542) nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp, chị Nguyễn Thị H1 không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Thi hành án dân tỉnh T kê biên phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 810876, số vào sổ cấp GCN: CH-04013/1369/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 06/02/2015 mang tên bà Nguyễn Thị H1. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3931500 ngày 16/7/2015 tại Văn phòng công chứng T và đã đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Thanh Hoá ngày 20/7/2015.

-*Về án phí*: Buộc chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.947.000đồng (làm tròn số).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm Ngân hàng đã nộp là 19.369.000đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002313 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp, bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1-Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Lý